

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ  
PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 16 - Đường Ngô Quyền - Quận Ngô Quyền - Hải Phòng

Tel: (84) 31 3837438

Fax: (84) 31 3765194

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 30

# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 16 - Đường Ngô Quyền - Quận Ngô Quyền - Hải Phòng

Tel: (84) 31 3837438

Fax: (84) 31 3765194

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

### Khái quát chung

Khái quát chung về Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng và Công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty") như sau:

**Công ty mẹ:** Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty mẹ") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000035 ngày 25/12/2000; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 26/02/2001; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 23/04/2002; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 09/06/2004; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 27/12/2004; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 09/11/2005; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 15/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó:

Tên giao dịch tiếng Anh: PETROLIMEX HAIPHONG TRANSPORTATION AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: PTS HAIPHONG

Vốn điều lệ: 34.800.000.000 VND

*Trong đó:*

Vốn đầu tư của Nhà nước: 17.748.000.000 VND (tương đương 51%)

Vốn góp của các cổ đông: 17.052.000.000 VND (tương đương 49%)

**Ngành nghề kinh doanh:** Kinh doanh vận tải; Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu; Sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải thủy; sản xuất sản phẩm cơ khí; Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, thiết bị, hàng hóa khác; Dịch vụ hàng hải và các dịch vụ thương mại; Kinh doanh, đại lý khí hóa lỏng (gas); Nạo vét luồng lạch, san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà, kinh doanh vật liệu xây dựng; môi giới, dịch vụ nhà đất; Vận tải hành khách đường thủy và đường bộ; Kinh doanh cảng biển; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà, đất.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 16 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Ngày 28/05/2008, Hội đồng quản trị ra Quyết định số 183/2008/QĐ-HĐQT về việc chuyển Xí nghiệp Sửa chữa tàu Hồng Hà (đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng) thành Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng. Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204001238 ngày 09/06/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, theo đó:

Tên giao dịch tiếng Anh: PTS HAIPHONG SHIPYARD COMPANY LIMITED

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VND

**Ngành nghề kinh doanh:** Đóng tàu và cấu kiện nổi; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Sửa chữa máy móc, thiết bị; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy tàu vận tải thủy; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

**Công ty con:** Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty con") được thành lập trên cơ sở tách Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà thuộc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng theo Quyết định số 183/2008/QĐ-HĐQT ngày 28/05/2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng. Theo đó, Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng hoạt động theo điều lệ của Công ty TNHH 1 thành viên, luật doanh nghiệp và là Công ty con của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

# **CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 16 - Đường Ngô Quyền - Quận Ngô Quyền - Hải Phòng

Tel: (84) 31 3837438

Fax: (84) 31 3765194

---

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **Khái quát chung (tiếp)**

Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204001238 ngày 09/06/2008. Theo đó:

Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VND

Ngành nghề kinh doanh:

Đóng tàu và cấu kiện nổi; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Sửa chữa máy móc, thiết bị; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy tàu vận tải thủy; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

Trụ sở chính của Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng đặt tại số 16 Đường Ngô Quyền, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2008 đến ngày 31/12/2008 là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty mẹ đã điều hành Công ty trong năm 2008 và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Văn Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Ủy viên
Ông Đào Thanh Liêm	Ủy viên
Ông Mai Thế Cung	Ủy viên
Ông Lê Thanh Hải	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Hùng	Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thủy	Phó Giám đốc

### **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2008 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 31/12/2008 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc (tiếp)**

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào trong kỳ và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ theo các quy định hiện hành. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

---

**Nguyễn Văn Hùng**

**Giám đốc**

*Hải Phòng, ngày 21 tháng 01 năm 2009*

Số: /2009/VAAC/BCKT-TC

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng và Công ty con (dưới đây gọi chung là “Công ty”), từ trang 07 đến trang 30 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng tại mục III và các chính sách kế toán tại mục IV trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (dưới đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các Quy định hiện hành về kế toán có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý người đọc rằng:

- + Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty mẹ đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.
- + Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty con được hợp nhất đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.
- + Báo cáo tài chính Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 của Công ty cổ phần Cảng Cửa Cấm (Công ty liên kết) sử dụng để hợp nhất khoản đầu tư vào Công ty liên kết đã được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

---

**Vũ Thị Hương Giang**

**Phó Giám đốc**

*(Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0388/KTV)*

**Thay mặt và đại diện**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN VIỆT NAM**

*Hải Phòng, ngày 21 tháng 01 năm 2009*

---

**Nguyễn Thị Hoa**

**Kiểm toán viên**

*(Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0804/KTV)*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Mẫu số B01 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1	2	3	4	5
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>58.522.639.085</b>	<b>50.387.293.880</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.222.794.217</b>	<b>2.789.597.513</b>
1. Tiền	111	V.01	1.222.794.217	2.789.597.513
			-	-
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>2.069.656.627</b>	<b>1.181.605.600</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		5.628.867.827	1.250.089.600
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(3.559.211.200)	(68.484.000)
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.384.404.887</b>	<b>12.579.448.041</b>
1. Phải thu khách hàng	131		4.362.545.001	6.812.957.430
2. Trả trước cho người bán	132		5.763.413.216	4.332.010.050
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	5.301.147.670	1.477.181.561
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(42.701.000)	(42.701.000)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.04</b>	<b>39.183.039.124</b>	<b>33.481.709.376</b>
1. Hàng tồn kho	141		39.183.039.124	33.481.709.376
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>662.744.230</b>	<b>354.933.350</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		419.500.720	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	23.243.510	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	220.000.000	354.933.350
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>46.698.245.028</b>	<b>33.082.368.738</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>42.701.000</b>	<b>42.701.000</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	42.701.000	42.701.000
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.861.394.073</b>	<b>28.135.736.151</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	30.921.221.797	26.998.744.666
- Nguyên giá	222		45.210.191.607	37.698.724.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.288.969.810)	(10.699.979.905)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	7.940.172.276	1.136.991.485
<b>IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.10</b>	<b>4.153.620.218</b>	<b>4.657.000.000</b>
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		4.153.620.218	4.657.000.000
<b>V- Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>3.640.529.737</b>	<b>246.931.587</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	3.297.788.645	239.431.587
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	335.241.092	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		7.500.000	7.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>105.220.884.113</b>	<b>83.469.662.618</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mẫu số B01a - DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	01/01/2008
1	2	3	4	5
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>39.285.690.338</b>	<b>47.792.611.092</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>38.652.564.273</b>	<b>42.553.675.327</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	5.020.000.000	1.600.000.000
2. Phải trả người bán	312		6.394.148.024	3.553.732.366
3. Người mua trả tiền trước	313		17.960.479.865	19.627.884.806
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	96.941.685	2.976.467.809
5. Phải trả người lao động	315		7.908.446.482	13.416.025.083
6. Chi phí phải trả	316	V.15	243.333	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	1.272.304.884	1.379.565.263
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>633.126.065</b>	<b>5.238.935.765</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	210.000.000	4.890.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.18	423.126.065	348.935.765
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>65.935.193.775</b>	<b>35.677.051.526</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.19	<b>65.164.132.497</b>	<b>35.484.697.468</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		34.800.000.000	17.400.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.024.502.460	804.502.460
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.008.319.155	3.818.617.710
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.335.675.683	587.575.598
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15.995.635.199	12.874.001.700
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>771.061.278</b>	<b>192.354.058</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		771.061.278	192.354.058
<b>C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>			<b>105.220.884.113</b>	<b>83.469.662.618</b>

Hải Phòng, ngày 21 tháng 01 năm 2009

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Văn Hùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008

Mẫu số B02 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.20	199.014.943.837	160.754.363.149
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.21	199.014.943.837	160.754.363.149
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.22	172.665.661.789	134.176.252.475
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.349.282.048	26.578.110.674
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.23	393.279.267	73.397.831
7. Chi phí tài chính	22	VI.24	4.472.374.102	1.121.999.297
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		826.288.556	956.240.225
8. Chi phí bán hàng	24	VI.25	1.786.876.034	1.321.305.315
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.26	8.113.760.570	6.283.651.170
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>12.369.550.609</b>	<b>17.924.552.723</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.27	115.642.143	298.064.126
12. Chi phí khác	32	VI.28	106.381.517	32.883.200
14. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh			469.831.716	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.848.642.951	18.189.733.649
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.29	1.215.037.346	3.227.731.949
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	(335.241.092)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<b>11.968.846.697</b>	<b>14.962.001.700</b>
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			-	-
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			<b>11.968.846.697</b>	<b>14.962.001.700</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.30	3.439	8.599

Hải Phòng, ngày 21 tháng 01 năm 2009

Kế toán trưởng

Giám đốc

**Phạm Thị Ngọc Anh**

**Nguyễn Văn Hùng**

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

**(Theo phương pháp trực tiếp)**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008**

**Mẫu số B03a - DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		153.071.203.607	172.268.565.168
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(168.458.504.351)	(136.966.051.272)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.597.249.731)	(15.915.925.657)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(775.045.123)	(2.123.675.242)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3.194.596.710)	(1.419.458.108)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		51.310.866.034	14.737.987.085
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.044.370.067)	(13.761.739.097)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(18.687.696.341)</b>	<b>16.819.702.877</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(388.411.523)	(8.394.577.172)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, TS dài hạn khác			-	55.428.572
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		13.500.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.657.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		300.019.568	73.397.831
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(88.391.955)</b>	<b>(12.922.750.769)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		22.620.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		4.500.000.000	51.226.854.983
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(5.630.000.000)	(49.756.854.983)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.280.715.000)	(3.944.842.080)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>17.209.285.000</b>	<b>(2.474.842.080)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(1.566.803.296)</b>	<b>1.422.110.028</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.789.597.513</b>	<b>1.367.487.485</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.01</b>	<b>1.222.794.217</b>	<b>2.789.597.513</b>

Hải Phòng, ngày 21 tháng 01 năm 2009

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thị Ngọc Anh

Nguyễn Văn Hùng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B09 - DN***(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***I. KHÁI QUÁT CHUNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 bao gồm Báo cáo tài chính của Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng và các Công ty con (sau đây gọi chung là "Công ty") và lợi ích của Công ty tại các Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con, cụ thể như sau:

- Công ty mẹ:** Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty mẹ") là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000035 ngày 25/12/2000; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 26/02/2001; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 23/04/2002; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 4 ngày 09/06/2004; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 27/12/2004; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 09/11/2005; Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 ngày 15/01/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó:

Tên giao dịch tiếng Anh: PETROLIMEX HAIPHONG TRANSPORTATION AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: PTS HAIPHONG

Vốn điều lệ: 34.800.000.000 VND, trong đó:

Vốn đầu tư của Nhà nước: 17.748.000.000 VND (tương đương 51%)

Vốn góp của các cổ đông: 17.052.000.000 VND (tương đương 49%)

Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh vận tải; Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu; Sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải thủy; sản xuất sản phẩm cơ khí; Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, thiết bị, hàng hóa khác; Dịch vụ hàng hải và các dịch vụ thương mại; Kinh doanh, đại lý khí hóa lỏng (gas); Nạo vét luồng lạch, san lấp mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển nhà, kinh doanh vật liệu xây dựng; môi giới, dịch vụ nhà đất; Vận tải hành khách đường thủy và đường bộ; Kinh doanh cảng biển; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà, đất.

Trụ sở chính của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng đặt tại số 16 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

- Công ty con:** Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng (gọi tắt là "Công ty con") được thành lập trên cơ sở tách Xí nghiệp sửa chữa tàu Hồng Hà thuộc Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng theo Quyết định số 183/2008/QĐ-HĐQT ngày 28/05/2008 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng. Theo đó, Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng hoạt động theo điều lệ của Công ty TNHH 1 thành viên, luật doanh nghiệp và là Công ty con của Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204001238 ngày 09/06/2008. Theo đó:

Tên Công ty: CÔNG TY TNHH ĐÓNG TÀU PTS HẢI PHÒNG

Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VND

Ngành nghề kinh doanh:

Đóng tàu và cấu kiện nổi; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Sửa chữa máy móc, thiết bị; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy tàu vận tải thủy; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.

Trụ sở chính của Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng đặt tại số 16 Đường Ngô Quyền, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2008 đến ngày 31/12/2008 là kỳ hoạt động đầu tiên của Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 - DN**

(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ từ ngày 01/01/2008 đến ngày 31/12/2008. Đây là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập theo hướng dẫn của Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên 06 nguyên tắc: Hoạt động liên tục; Cơ sở dồn tích; Nhất quán; Trọng yếu và tập hợp; Bù trừ; Có thể so sánh.

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập đến ngày 31/12 hàng năm.

- + Báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty mẹ.
- + Tất cả các giao dịch và số dư giữa các Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất bằng không xác định do Công ty mẹ sở hữu 100% Công ty con.

Báo cáo tài chính kèm theo (Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán, thủ tục kế toán và các thông lệ báo cáo được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam. Vì vậy, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp thông tin, thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam, hơn nữa, không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm 31/12/2008, bao gồm: Tiền mặt và Tiền gửi ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 - DN**

(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****3. Hàng tồn kho**

- Nguyên tắc phản ánh hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Giá hàng xuất kho và hàng tồn kho được tính theo phương pháp tính giá bình quân tức thời;
- Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp tính giá thành giản đơn.

**4. Tài sản cố định và khấu hao**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa.

Nguyên tắc xác định nguyên giá tài sản cố định hữu hình:

- Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm: Giá thực tế phải trả; lãi tiền vay đầu tư cho tài sản cố định; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ; các chi phí sửa chữa, tân trang; chi phí lắp đặt, chạy thử, thuê và lệ phí trước bạ (nếu có)... liên quan trực tiếp đến tài sản trước khi đưa tài sản cố định vào sử dụng;
- Nguyên giá tài sản cố định đầu tư xây dựng: Là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành và các chi phí khác có liên quan và lệ phí trước bạ (nếu có);

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<b><u>Loại tài sản cố định</u></b>	<b><u>Năm khấu hao</u></b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu như quy định hiện hành.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Chứng khoán đầu tư ngắn hạn: Bao gồm các khoản đầu tư vào các cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán, được ghi nhận vào ngày giao dịch và được thể hiện theo giá trị ước tính hợp lý. Những thay đổi về giá trị hợp lý, lãi hay lỗ tức thu được từ những chứng khoán này đã được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****5. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp)**

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn:

Công ty lập dự phòng cho từng loại chứng khoán đầu tư có biến động giảm giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm. Mức dự phòng được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng giảm} \\ \text{giá đầu tư chứng} \\ \text{khoán cho năm 2008} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng khoán bị} \\ \text{giảm giá tại thời điểm lập} \\ \text{Báo cáo tài chính năm} \end{array} \times \left| \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch toán} \\ \text{trên sổ kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array} \right|$$

**6. Các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định của chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

**7. Các khoản chi phí khác**

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí bảo hiểm được phân bổ dần vào chi phí trong kỳ. Thời gian phân bổ phụ thuộc vào thời gian hữu ích của từng khoản chi phí.

**8. Ghi nhận chi phí phải trả, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Năm 2008, Công ty trích Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm với tỷ lệ là 1% tính trên tổng quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

**9. Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- + Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- + Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- + Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- + Công ty xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ kinh doanh bất động sản: Công ty đang thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà tại Khu ở mới ở Đông Hải, An Hải, Hải Phòng. Khách hàng ký hợp đồng mua nhà, trong đó quy định tổng giá bán của ngôi nhà bao gồm giá trị mặt bằng lô đất (tiền đất) và các khoản phí phải nộp theo thỏa thuận. Khi khách hàng nộp tiền, Công ty ghi nhận như khoản người mua trả trước. Khi khách hàng thanh toán đủ 100% tiền đất và các khoản phí khác, Công ty ghi nhận doanh thu trong kỳ.

Chi phí từ hoạt động bán bất động sản: Toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến dự án đầu tư xây dựng nhà tại Khu ở mới ở Đông Hải, An Hải, Hải Phòng được tập hợp trên khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Chi phí (giá vốn) của hoạt động bán bất động sản được Công ty xác định bằng diện tích đất đã bán và ghi nhận doanh thu trong kỳ nhân với chi phí bình quân 1m<sup>2</sup> đất. Chi phí bình quân 1m<sup>2</sup> đất được xác định bằng tổng chi phí thực tế phát sinh đối với các hạng mục đã phát sinh và chi phí dự toán đối với các hạng mục chưa phát sinh chia cho tổng diện tích của dự án.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 - DN**

(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****9. Ghi nhận doanh thu (tiếp)**

Doanh thu cung cấp dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy trên cơ sở khi đảm bảo là Công ty nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi Công ty chứng khoán, lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn, cổ tức và lợi nhuận được chia từ Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng, được ghi nhận cụ thể như sau:

- + Tiền lãi ngân hàng, tiền lãi tiền gửi Công ty chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- + Lãi đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận khi Công ty bán chứng khoán;
- + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có thông báo của Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng và các Công ty khác mà Công ty mua cổ phiếu về việc phân chia lợi nhuận.

**10. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm: lãi vay, lỗ do thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và các chi phí tài chính khác.

**11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) bao gồm chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hiện hành và chi phí (thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế TNDN phải nộp phát sinh trong năm và số thuế TNDN phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN tạm phải nộp và số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm và số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm và số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

**12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****• Dự phòng phải thu khó đòi**

Công ty đã lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản công nợ quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính.

**• Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phát sinh trong quá trình đóng mới tàu, xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn tài sản cố định và mở rộng sản xuất của Công ty chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập Báo cáo tài chính.

**• Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ trong năm hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác (tiếp)****• Tạm ứng cổ tức**

Trong năm, Công ty mẹ đã tạm ứng cổ tức năm 2008 theo quyết định của hội đồng quản trị, tỷ lệ tạm ứng 15%. Khoản thực chi tạm ứng cổ tức được phản ánh trên khoản Phải thu khác. Sau khi có nghị quyết đại hội đồng cổ đông về phân phối lợi nhuận năm 2008, Công ty mẹ sẽ thực hiện bù trừ số được chia cổ tức và số đã tạm ứng.

**• Thuế**

Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động vận tải, sửa chữa là 5%; của hoạt động kinh doanh thương mại là 10%.

Theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế TNDN là 20% từ năm 2007 đến năm 2010 cho hoạt động đóng tàu, vận tải.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 31/TTGDHN-ĐKGD ngày 20/11/2006 và Công văn số 10997/BTC-CST ngày 08/09/2006 của Bộ Tài chính (bãi bỏ Công văn số 11924/TC-CST ngày 20/10/2004 và Công văn số 5248/TC-CST ngày 29/04/2005) về việc ưu đãi thuế TNDN cho các doanh nghiệp tham gia thị trường chứng khoán kê, từ ngày 01/01/2007, Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong 02 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết trên thị trường chứng khoán. Theo đó, Công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán trước ngày 01/01/2007 và đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng ưu đãi thuế này trong năm 2008 và năm 2009.

Ngoài ra, trong năm, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của quý IV năm 2008 (theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 về việc hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp).

Các loại thuế và phí khác theo các quy định hiện hành. Do có nhiều cách diễn giải việc áp dụng và tuân thủ theo các quy định hiện hành về thuế và những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ nên việc xác định sau cùng liên quan đến thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**• Bên liên quan**

Một bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu thỏa mãn 1 trong các trường hợp sau:

- Những Công ty kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty;
- Các Công ty liên kết là Công ty mà trong đó Công ty là nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hoặc Công ty liên doanh của Công ty;
- Những bên được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những bên có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Theo đó, Bên liên quan với Công ty bao gồm:

- Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam góp 51% vốn chủ sở hữu và cử cán bộ tham gia quản lý, điều hành các hoạt động của Công ty. Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam là Công ty mẹ của Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng.
- Công ty CP Cảng Cửa Cấm Hải Phòng là Công ty liên kết (Công ty góp 12,9% vốn chủ sở hữu, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Cảng Cửa Cấm Hải Phòng).

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số VII.02.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. TIỀN**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	304.288.165	37.123.169
Tiền gửi ngân hàng	918.506.052	2.752.474.344
<i>Ngân hàng Indovina</i>	<i>914.158.005</i>	<i>2.604.153.772</i>
<i>Ngân hàng Công thương Ngô Quyền</i>	<i>4.348.047</i>	<i>148.320.572</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>1.222.794.217</u></b>	<b><u>2.789.597.513</u></b>

**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	5.628.867.827	1.250.089.600
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(3.559.211.200)	(68.484.000)
<b>Cộng</b>	<b><u>2.069.656.627</u></b>	<b><u>1.181.605.600</u></b>

**3. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Chứng khoán	23.136.512	50.361.718
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	1.250.000	-
Cửa hàng số 1	89.393.208	50.659.316
Cửa hàng số 2	132.444.100	45.145.992
Cửa hàng số 3	61.474.208	38.360.455
Bảo hiểm xã hội	87.044.747	154.889.645
Bảo hiểm y tế	-	18.498.097
Phải thu vận tải bộ	512.548	680.018
Phải thu vận tải thủy	1.250.702.049	999.612.277
Phải thu vận tải biển	1.081.281.489	-
Tạm ứng cổ tức	2.508.808.590	-
Phải thu khác	65.100.219	118.974.043
<b>Cộng</b>	<b><u>5.301.147.670</u></b>	<b><u>1.477.181.561</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MẪU SỐ B09 - DN***(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****4. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	9.166.030.571	4.834.742.852
Công cụ, dụng cụ	49.281.510	28.509.438
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	28.626.316.484	27.175.378.041
Hàng hoá	1.341.410.559	1.443.079.045
<b>Cộng</b>	<b>39.183.039.124</b>	<b>33.481.709.376</b>

**5. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa tại Công ty mẹ	23.243.510	-
<b>Cộng</b>	<b>23.243.510</b>	<b>-</b>

(\*) : Xem thêm Thuyết minh V.14.

**6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	217.000.000	351.933.350
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
<b>Cộng</b>	<b>220.000.000</b>	<b>354.933.350</b>

**7. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	42.701.000	42.701.000
<b>Cộng</b>	<b>42.701.000</b>	<b>42.701.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ DỊCH VỤ PETROLIMEX HẢI PHÒNG**

Địa chỉ: Số 16 - Đường Ngô Quyền - Quận Ngô Quyền - Hải Phòng

Tel: (84) 31 3 837 438

Fax: (84) 31 3 765 194

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***MẪU SỐ B09 - DN****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2008</b>	<b>3.013.847.006</b>	<b>3.045.734.170</b>	<b>31.375.980.911</b>	<b>220.660.526</b>	<b>42.501.958</b>	<b>37.698.724.571</b>
Mua trong năm	-	74.382.400	539.656.891	-	-	614.039.291
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.654.274.259	-	5.286.864.506	-	-	6.941.138.765
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	43.711.020	-	43.711.020
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>4.668.121.265</b>	<b>3.120.116.570</b>	<b>37.202.502.308</b>	<b>176.949.506</b>	<b>42.501.958</b>	<b>45.210.191.607</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2008</b>	<b>1.218.673.393</b>	<b>1.533.159.476</b>	<b>7.798.550.695</b>	<b>141.095.949</b>	<b>8.500.392</b>	<b>10.699.979.905</b>
Khấu hao trong năm	220.647.415	375.006.795	2.988.495.289	44.301.231	4.250.195	3.632.700.925
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	43.711.020	-	43.711.020
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>1.439.320.808</b>	<b>1.908.166.271</b>	<b>10.787.045.984</b>	<b>141.686.160</b>	<b>12.750.587</b>	<b>14.288.969.810</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2008</b>	<b>1.795.173.613</b>	<b>1.512.574.694</b>	<b>23.577.430.216</b>	<b>79.564.577</b>	<b>34.001.566</b>	<b>26.998.744.666</b>
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>3.228.800.457</b>	<b>1.211.950.299</b>	<b>26.415.456.324</b>	<b>35.263.346</b>	<b>29.751.371</b>	<b>30.921.221.797</b>

**Trong đó:**

TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

**Nguyên giá (VND)**

5.350.160.512

966.248.042

**Giá trị còn lại (VND)**

3.700.288.928

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MÃ SỐ B09 - DN**

(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2008	Tăng trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển giảm khác	31/12/2008
Đóng mới tàu PTS 25	-	6.114.517.315	-	-	6.114.517.315
Chi phí đóng mới xà lan, tàu	61.818.181	4.621.953.444	4.629.226.171	-	54.545.454
Chi phí xây dựng triển đầ	210.512.287	1.450.134.939	1.654.274.259	-	6.372.967
Chi phí mở rộng sản xuất Công ty	87.740.449	641.525.974	-	-	729.266.423
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	554.007.473	5.565.827.869	657.638.335	4.670.299.985	791.897.022
Chi phí xây dựng cơ bản khu đất Phú Vân	222.913.095	20.660.000	-	-	243.573.095
<b>Cộng</b>	<b>1.136.991.485</b>	<b>18.414.619.541</b>	<b>6.941.138.765</b>	<b>4.670.299.985</b>	<b>7.940.172.276</b>

**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC**

	Tỷ lệ góp vốn (%)		31/12/2008	01/01/2008
	Theo giấy phép	Thực tế	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng		12,9%	4.153.620.218	4.657.000.000
<b>Đầu tư dài hạn thuần</b>			<b>4.153.620.218</b>	<b>4.657.000.000</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	01/01/2008	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Kết chuyển giảm khác	31/12/2008
Chi phí công cụ, dụng cụ	191.415.026	857.234.772	352.976.288	55.521.368	640.152.142
Chi phí khác	48.016.561	3.797.587.404	800.650.518	387.316.944	2.657.636.503
<b>Cộng</b>	<b>239.431.587</b>	<b>4.654.822.176</b>	<b>1.153.626.806</b>	<b>442.838.312</b>	<b>3.297.788.645</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MÃ SỐ B09 - DN**

(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	<u>31/12/2008</u> VND	<u>01/01/2008</u> VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chi phí phải trả của dự án Đông Hải được khấu trừ (914.234.191 VND*28%)	255.985.573	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ lãi của các giao dịch nội bộ	79.255.519	-
<b>Cộng</b>	<b><u>335.241.092</u></b>	<b><u>-</u></b>

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2008</u> VND	<u>01/01/2008</u> VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	4.500.000.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>520.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	520.000.000	560.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	-	1.040.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.020.000.000</u></b>	<b><u>1.600.000.000</u></b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

Đơn vị tính: VND

	01/01/2008	Vay trong năm	Số kết chuyển	Trả trong năm	31/12/2008
<b>Vay ngắn hạn</b>		<b>- 4.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.500.000.000</b>
Công ty Cổ phần Cảng Cửa Cấm Hải Phòng		- 4.500.000.000	-	-	4.500.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>520.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>520.000.000</b>
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	560.000.000	-	520.000.000	560.000.000	520.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex	1.040.000.000	-	-	1.040.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>4.500.000.000</b>	<b>520.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>5.020.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MÃ SỐ B09 - DN**

(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.476.757	1.976.792.611
Thuế GTGT phải nộp	-	975.465.248
Thuế thu nhập cá nhân	76.464.928	24.209.950
<b>Cộng</b>	<b>96.941.685</b>	<b>2.976.467.809</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản thuế như sau:

Đơn vị tính: VND

	<b>01/01/2008</b>	<b>Phải nộp trong năm</b>	<b>Đã nộp trong năm</b>	<b>31/12/2008</b>
Thuế GTGT phải nộp	975.465.248	63.126.226	1.038.591.474	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	1.976.792.611	1.215.037.346	3.194.596.710	(2.766.753)
Thuế thu nhập cá nhân	24.209.950	198.317.940	146.062.962	76.464.928
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	121.843.150	121.843.150	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.976.467.809</b>	<b>1.604.324.662</b>	<b>4.507.094.296</b>	<b>73.698.175</b>

(\*): Bao gồm: Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ nộp thừa 23.243.510 VND phản ánh trên khoản Thuế và các khoản phải thu Nhà nước và Thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty con phải nộp: 20.476.757 VND. Theo đó Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại 31/12/2008 là 96.941.685 VND: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty con phải nộp: 20.476.757 VND và Thuế thu nhập cá nhân Công ty phải nộp: 76.464.928 VND.

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay phải trả	243.333	-
<b>Cộng</b>	<b>243.333</b>	<b>-</b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	582.493.722	447.444.273
Bảo hiểm xã hội	-	113.761.125
Bảo hiểm y tế	20.402.585	24.731.506
Phải trả về cổ phiếu	-	46.930.000
Phải trả về cổ tức	-	35.445.410
Phải trả, phải nộp khác	669.408.577	711.252.949
<b>Cộng</b>	<b>1.272.304.884</b>	<b>1.379.565.263</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<u>Vay dài hạn</u>	<u>210.000.000</u>	<u>4.890.000.000</u>
Vay Ngân hàng	210.000.000	4.890.000.000
<i>Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</i>	<i>210.000.000</i>	<i>730.000.000</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>-</i>	<i>4.160.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>210.000.000</u></b>	<b><u>4.890.000.000</u></b>

Hợp đồng vay số 170/HĐTD của Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng ngày 12/09/2005, theo đó:

Số tiền vay:	1.400.000.000 VND
Thời hạn vay:	60 tháng
Lãi suất vay:	0,73%/tháng hay 8,76%/năm
Lãi suất quá hạn:	Bằng 150% lãi suất trong hạn
Mục đích sử dụng:	Đóng mới tàu chở dầu PTS 19
Hình thức đảm bảo tiền vay:	Bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay - Tàu PTS 19, trọng tải 650 tấn, số đăng ký HP 2369, giá trị tài sản đảm bảo: 2.825.000.000 VND
Số phải trả năm 2009:	210.000.000 VND

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:**

*Đơn vị tính: VND*

	<b>01/01/2008</b>	<b>Vay trong năm</b>	<b>Trả trong năm</b>	<b>Số kết chuyển</b>	<b>31/12/2008</b>
Vay dài hạn	4.890.000.000	-	(4.160.000.000)	(520.000.000)	210.000.000
<i>Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</i>	<i>730.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(520.000.000)</i>	<i>210.000.000</i>
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex</i>	<i>4.160.000.000</i>	<i>-</i>	<i>(4.160.000.000)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>4.890.000.000</b>	<b>-</b>	<b>(4.160.000.000)</b>	<b>(520.000.000)</b>	<b>210.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MÃ SỐ B09 - DN**

(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**18. DỰ PHÒNG TRỢ CẤP MẤT VIỆC LÀM**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Số đầu năm	348.935.765	296.650.560
Trích lập trong năm	74.190.300	52.285.205
Chi trong năm	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>423.126.065</b>	<b>348.935.765</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	17.400.000.000	804.502.460	2.930.444.722	422.457.467	2.701.527.380	24.258.932.029
Tăng trong năm trước	-	-	888.172.988	165.118.131	14.962.001.700	16.015.292.819
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	4.789.527.380	4.789.527.380
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>17.400.000.000</b>	<b>804.502.460</b>	<b>3.818.617.710</b>	<b>587.575.598</b>	<b>12.874.001.700</b>	<b>35.484.697.468</b>
Số dư đầu năm nay	17.400.000.000	804.502.460	3.818.617.710	587.575.598	12.874.001.700	35.484.697.468
Tăng trong năm nay	17.400.000.000	5.220.000.000	3.189.701.445	748.100.085	11.968.846.697	38.526.648.227
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	8.847.213.198	7.874.001.700
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>34.800.000.000</b>	<b>6.024.502.460</b>	<b>7.008.319.155</b>	<b>1.335.675.683</b>	<b>15.995.635.199</b>	<b>66.137.343.995</b>

**CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	Năm 2008			Năm 2007		
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Vốn cổ phần ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước	17.748.000.000	17.748.000.000	-	8.874.000.000	8.874.000.000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	17.052.000.000	17.052.000.000	-	8.526.000.000	8.526.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>34.800.000.000</b>	<b>34.800.000.000</b>	-	<b>17.400.000.000</b>	<b>17.400.000.000</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MÃ SỐ B09 - DN**

(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<b>Vốn góp đầu năm</b>	<b>17.400.000.000</b>	<b>17.400.000.000</b>
Tăng trong năm (phát hành thêm cổ phiếu)	17.400.000.000	-
Giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>34.800.000.000</b>	<b>17.400.000.000</b>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.740.000.000	4.789.527.380
Cổ tức tạm ứng	2.508.808.590	

**CỔ PHIẾU**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.480.000	1.740.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.480.000	1.740.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.480.000</i>	<i>1.740.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.480.000	1.740.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>3.480.000</i>	<i>1.740.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

**LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm</b>	<b>12.874.001.700</b>	<b>2.701.527.380</b>
Tăng trong năm	11.968.846.697	14.962.001.700
<i>Lợi nhuận trong năm</i>	<i>11.968.846.697</i>	<i>14.962.001.700</i>
Giảm trong năm	8.847.213.198	4.789.527.380
<u>Phân phối lợi nhuận năm trước</u>	<u>7.874.001.700</u>	<u>4.789.527.380</u>
<i>Chia cổ tức năm 2007 đợt II</i>	<i>1.740.000.000</i>	<i>3.406.000.000</i>
<i>Trích quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>748.100.085</i>	<i>165.118.131</i>
<i>Trích quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>3.189.701.445</i>	<i>888.172.988</i>
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>1.496.200.170</i>	<i>330.236.261</i>
<i>Khen thưởng HĐQT, BKS, Ban điều hành</i>	<i>700.000.000</i>	<i>-</i>
Điều chỉnh khoản đầu tư vào Công ty liên kết	973.211.498	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>15.995.635.199</b>	<b>12.874.001.700</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MÃ SỐ B09 - DN**

*(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	98.312.432.479	52.894.932.597
Doanh thu dịch vụ vận tải	72.672.302.401	46.296.711.568
Doanh thu sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	23.593.181.379	24.416.517.166
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.362.391.093	37.018.181.818
Doanh thu bán vật tư	768.376.416	-
Doanh thu dịch vụ khác	306.260.069	128.020.000
<b>Cộng</b>	<b>199.014.943.837</b>	<b>160.754.363.149</b>

**21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu kinh doanh xăng dầu	98.312.432.479	52.894.932.597
Doanh thu dịch vụ vận tải	72.672.302.401	46.296.711.568
Doanh thu sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	23.593.181.379	24.416.517.166
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.362.391.093	37.018.181.818
Doanh thu bán vật tư	768.376.416	-
Doanh thu dịch vụ khác	306.260.069	128.020.000
<b>Cộng</b>	<b>199.014.943.837</b>	<b>160.754.363.149</b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn kinh doanh xăng dầu	95.089.673.979	50.515.227.350
Giá vốn dịch vụ vận tải	52.582.568.637	36.318.102.678
Giá vốn dịch vụ sửa chữa, cải tạo, đóng mới tàu	21.130.631.652	22.294.120.992
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.496.723.288	25.023.582.134
Giá vốn vật tư	1.272.576.970	-
Giá vốn dịch vụ khác	93.487.263	25.219.321
<b>Cộng</b>	<b>172.665.661.789</b>	<b>134.176.252.475</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)****MÃ SỐ B09 - DN***(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP)****23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	188.699.568	43.397.831
Lãi tiền gửi Công ty chứng khoán	4.320.772	-
Lãi đầu tư chứng khoán	45.258.927	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	155.000.000	30.000.000
<b>Cộng</b>	<b>393.279.267</b>	<b>73.397.831</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	826.288.556	956.240.225
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	136.026.678	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.490.727.200	68.484.000
Chi phí tài chính khác	19.331.668	97.275.072
<b>Cộng</b>	<b>4.472.374.102</b>	<b>1.121.999.297</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	1.171.031.652	756.093.303
Chi phí vật liệu, bao bì	106.625.903	28.858.663
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	39.463.243	37.737.729
Chi phí khấu hao TSCĐ	184.048.417	135.853.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.307.036	230.496.369
Chi phí bằng tiền khác	185.399.783	132.265.439
<b>Cộng</b>	<b>1.786.876.034</b>	<b>1.321.305.315</b>

**26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	5.190.215.382	3.272.170.006
Chi phí vật liệu quản lý	22.247.630	31.319.215
Chi phí đồ dùng văn phòng	215.657.751	242.171.427
Chi phí khấu hao TSCĐ	236.319.036	139.421.718
Thuế, phí và lệ phí	67.000.000	480.000
Chi phí dự phòng	74.190.300	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	950.324.488	794.903.683
Chi phí bằng tiền khác	1.357.805.983	1.803.185.121
<b>Cộng</b>	<b>8.113.760.570</b>	<b>6.283.651.170</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)** **MÃ SỐ B09 - DN**  
*(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP)**

**27. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm 2008</u> VND	<u>Năm 2007</u> VND
Thu từ thanh lý vật tư, phế liệu	33.487.011	-
Thu thanh lý TSCĐ	-	55.428.572
Thu phạt	-	5.109.000
Thu nhập khác	82.155.132	237.526.554
<b>Cộng</b>	<b><u>115.642.143</u></b>	<b><u>298.064.126</u></b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm 2008</u> VND	<u>Năm 2007</u> VND
Chi phí bồi thường do va chạm tàu	4.487.584	-
Chi phí thanh lý vật tư, phế liệu	97.846.321	-
Chi phí khác	4.047.612	32.883.200
<b>Cộng</b>	<b><u>106.381.517</u></b>	<b><u>32.883.200</u></b>

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm 2008</u> VND	<u>Năm 2007</u> VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty mẹ	1.152.470.158	3.227.731.949
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Công ty con	62.567.188	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.215.037.346</u></b>	<b><u>3.227.731.949</u></b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHỎN LẠI**

	<u>Năm 2008</u> VND	<u>Năm 2007</u> VND
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Chi phí phải trả của dự án Đông Hải được khấu trừ (914.234.191 VND*28%)	(255.985.573)	-
Lãi của các giao dịch nội bộ chưa thực hiện	(79.255.519)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(335.241.092)</u></b>	<b><u>-</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MÃ SỐ B09 - DN**

*(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP)**

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	<b>11.968.846.697</b>	<b>14.962.001.700</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (2):		
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2)</b>	<b>11.968.846.697</b>	<b>14.962.001.700</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (4)	3.480.000	1.740.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	3.439	8.599

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG, CÁC KHOẢN CAM KẾT VÀ NHỮNG THÔNG TIN TÀI CHÍNH KHÁC**

Như thuyết minh số 07 mục IV, trong kỳ, Công ty trích dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ Luật lao động Việt Nam, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động một nửa tháng lương thực tế cho mỗi năm làm việc trong trường hợp người lao động không tiếp tục làm việc cho Công ty. Vì vậy, việc trích dự phòng trợ cấp mất việc làm như hiện nay chưa đủ số dự phòng phải trả cho người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động Việt Nam. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 chưa phản ánh nợ tiềm tàng phải trả cho người lao động theo quy định của Luật lao động Việt Nam lũy kế đến 31/12/2008.

**2. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Giao dịch với bên liên quan</b>		
<b>Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam</b>		
Bán hàng hoá dịch vụ	62.371.884.033	38.127.269.986
Trả cổ tức	887.400.000	2.307.240.000
<b>Công ty CP Cảng Cửa Cấm Hải Phòng</b>		
Nhận cổ tức	155.000.000	-
	<b>31/12/2008</b>	<b>01/01/2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số dư với bên liên quan</b>		
Phải thu Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	2.322.565.857	3.401.470.765
Phải trả Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	30.800.000	-
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>		
Công ty CP Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	4.500.000.000	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>		
Công ty CP Cảng Cửa Cấm Hải Phòng	4.675.000.000	4.675.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các Thuyết minh từ trang 11 đến trang 30 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**3. THÔNG TIN SO SÁNH**

Do đây là năm đầu tiên Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính hợp nhất, vì vậy số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất là số trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2007 của Công ty Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán.

*Hải Phòng, ngày 21 tháng 01 năm 2009*

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Phạm Thị Ngọc Anh**

**Nguyễn Văn Hùng**